

UNIT 1

LESSON 2



VOCABULARY

No.	Word	Pronunciation	Type	Meaning
1.	dinner	/'dɪnə/	n	bữa tối
2.	make dinner	/meɪk 'dɪnə/		làm bữa tối
3.	bed	/bed/	n	cái giường
4.	make the bed	/meɪk ðə bed/		đọn giường
5.	dish	/dɪʃ/	n	cái đĩa
6.	do the dishes	/du: ðə 'dɪʃɪz/		rửa bát đĩa
7.	clean	/kli:n/	v	đọn dẹp, rửa
8.	clean the kitchen	/kli:n ðə 'kɪtʃɪn/		lau chùi bếp
9.	laundry	/'lɔ:ndri/	n	việc giặt là
10.	do the laundry	/du: ðə 'lɔ:ndri/		giặt quần áo
11.	shopping	/'ʃɒpɪŋ/	n	việc mua sắm
12.	do the shopping	/du: ðə 'ʃɒpɪŋ/		đi mua sắm/chợ
13.	do the housework	du: ðə 'haʊswɜ:k/		làm việc nhà

GRAMMAR: PRESENT SIMPLE AND POSSESSIVE'S

I. Present Simple

1. PRESENT SIMPLE with Wh- questions

Khi đặt câu hỏi có chứa Wh- word (từ để hỏi) như **Who, What, When, Where, Why, Which, How**, ta đặt chúng lên đầu câu. Tuy nhiên, khi trả lời cho dạng câu hỏi này, ta không dùng Yes/ No mà cần đưa ra câu trả lời trực tiếp.

Cấu trúc

Wh-word + am/is/are + S?	Wh-word + do/ does + S + V?
Ví dụ: Who is he? => He is my brother. Where are they?=> They are in the playground.	Ví dụ: What do you do?=> I am a student. Why does he cry?=> Because he is sad.

3. Dấu hiệu nhận biết

Trong câu ở thì hiện tại đơn thường có các trạng từ chỉ tần suất và chúng được chia thành 2 nhóm:

➤ **Nhóm trạng từ đứng ở giữa câu:**

- **Always** (luôn luôn) **usually** (thường xuyên), **often** (thường), **sometimes** (thỉnh thoảng), **rarely** (hiếm khi), **seldom** (hiếm khi), **frequently** (thường xuyên), **hardly** (hiếm khi), **never** (không bao giờ), **regularly** (thường xuyên)...

❖ Các trạng từ này thường đứng trước động từ thường, **đứng sau** động từ “to be”, trợ động từ và các modal verb (động từ khuyết thiếu) như **can/will/ would/ could/may/ might/....**

Ví dụ: - He rarely goes to school by bus.

- She is usually at home in the evening
- I don't often go out with my friends

➤ **Nhóm trạng từ đứng ở cuối câu:**

- **Every day/ week/ month/ year** (hàng ngày/ hàng tuần/ hàng tháng/ hàng năm)
- **Once** (một lần), **twice** (hai lần), **three times** (ba lần), **four times** (bốn lần)...
- **Lưu ý:** Từ “ba lần” trở lên ta sử dụng: số đếm + times

Ví dụ: - He phones home every week.

- They go on holiday to the seaside once a year.

4. Cách thêm s/es vào sau động từ

Trong câu ở thì hiện tại đơn, nếu chủ ngữ là ngôi thứ 3 số ít (He/ She/ It/ Danh từ số ít) thì động từ phải thêm đuôi s/es. Dưới đây là các quy tắc khi chia động từ

Thêm “s” vào đằng sau hầu hết các động từ	Ví dụ:	Work-works	Read-reads
		Love- loves	See - sees
Thêm “es” vào các động từ kết thúc bằng “ch, sh, x, s, z, o”	Ví dụ:	Miss- misses	Watch- watches
		mix- mixes	Go - goes
Đối với những động từ tận cùng là “y” + Nếu trước “y” là một nguyên âm (u,e,o,a,i)- ta giữ nguyên “y” + “s” + Nếu trước “y” là một phụ âm, ta đổi “y” thành “i” + “es”	Ví dụ:	Play- plays	Fly- flies
		Buy- buys	Cry- cries
		Pay - pays	Fry- fries
Trường hợp ngoại lệ	Ví dụ:	Have - has	

5. Cách đọc động từ có tận cùng là s/es

Cách phát âm âm đuôi “s” và “es”

/z/	dreams	drowns	sounds	sands
/s/	picks	proofs	laughs	maps
/ɪz/	pushes	dishes	buzzes	catches

- Đuôi /s/ hoặc /es/ được phát âm là /z/ khi từ có tận cùng bằng các phụ âm hữu thanh /b/, /d/, /g/, /v/, /ð/, /m/, /n/, /ŋ/, /l/, /r/ và các nguyên âm.

-Đuôi /s/ hoặc /es/ được phát âm là /s/ khi từ có tận cùng bằng các phụ âm vô thanh: /p/, /t/, /k/, /f/, /θ/.

-Đuôi /s/ hoặc /es/ được phát âm là /ɪz/ khi từ có tận cùng bằng các phụ âm gió /s/, /z/, /ʃ/, /ʒ/, /tʃ/, /dʒ/ .

II. Sở hữu cách với 's (Possessive noun with 's and s')

- Sở hữu cách với con vật/ người (đối tượng có sự sống) ta dùng sở hữu cách dưới dạng ('s).

+ Với danh từ số ít/ danh từ không đếm được: Sở hữu cách được thể hiện bằng cách thêm 's vào phía sau danh từ

Ex: Lan's house is big. (Ngôi nhà của Lan).

Tu's pen is blue. (Cái bút của Tú)

+ Danh từ số nhiều tận cùng là S/ES: sở hữu cách thể hiện bằng cách thêm dấu nháy đơn (') và bỏ s.

Ex: The students' exam (bài kiểm tra của những bạn học sinh)

The teachers' name (tên của những cô giáo)

The animals' house (nhà của những con vật)

the pigs' colour (màu sắc của những chú heo)